



## QUÁI VẬT ĐẢO JEKYLL: LẬT LẠI HỒ SƠ CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG (CH. 3)

**Nguồn:** G. Edward Griffin, "Protectors of the Public", in G.E. Griffin, *The Creature from Jekyll Island: A Second Look at the Federal Reserve* (5th Edition) (California: American Media, 2010), Chapter 3.

**Biên dịch và Hiệu đính:** Khương Dư Kim

### CHƯƠNG 3: NHỮNG NGƯỜI BẢO VỆ CÔNG CHÚNG

**Nội dung chính:** Trên thực tế, trò chơi Giải cứu đã được áp dụng với Penn Central, Lockheed, thành phố New York, Chrysler, Ngân hàng Commonwealth Bank of Detroit, Ngân hàng First Pennsylvania Bank, Continental Illinois; và bắt đầu từ năm 2008, hầu như tất cả các ngân hàng lớn, AIG, các công ty sản xuất ô tô, và thậm chí là ngân hàng của các quốc gia khác cũng được áp dụng trò chơi này.

Trong chương trước, ta đã lấy ví dụ so sánh với một trận đấu bóng để đơn giản hóa cách giải thích của các nhà khoa học chính trị và tiền tệ về việc giải cứu những ngân hàng thương mại hình thành nên cartel Dự trữ Liên bang. Tuy nhiên, cách tiếp cận như vậy có thể khiến độc giả lầm tưởng rằng vấn đề này không mấy nghiêm trọng. Do đó, trong chương này ta hãy bỏ qua phép so sánh và cùng xem xét thực tế. Sau khi đã nghiên cứu kỹ luật chơi, giờ là lúc chúng ta kiểm tra bảng điểm đánh giá của trò chơi này trên thực tế, và chúng ta sẽ nhận ra rằng vấn đề này không hề tầm thường chút nào. Hãy cùng bắt đầu với quá trình giải cứu một

nhóm các ngân hàng nắm giữ những khoản nợ khó đòi của Công ty Đường sắt Penn Central.

## **Penn Central**

Penn Central là công ty đường sắt lớn nhất Hoa Kỳ với 96.000 nhân viên và tiền lương hàng tuần của nhân viên toàn công ty lên tới 20 triệu đô la Mỹ. Năm 1970, Penn Central trở thành vụ phá sản lớn nhất Hoa Kỳ. Công ty này đã vay nợ của hầu hết các ngân hàng chấp thuận cho họ vay, gồm có Chase Manhattan, Morgan Guaranty, Manufacturers Hanover, First National City, Chemical Bank, và Continental Illinois. Đổi lại, những ngân hàng kể trên được bổ nhiệm quan chức của mình vào ban giám đốc của Penn Central như một điều kiện cho vay, qua đó nắm quyền quản lý công ty đường sắt này. Các ngân hàng này cũng nắm giữ một lượng lớn cổ phần của Penn Central trong các phòng tín thác của mình. Dĩ nhiên những quan chức ngân hàng trong ban giám đốc đã biết trước những thông tin có khả năng ảnh hưởng đến thị giá cổ phiếu của Penn Central, rất lâu trước khi công chúng có cơ hội tiếp cận chúng. Trong cuốn sách *Những ngày cuối của Câu lạc bộ (The Last Days of the Club)*, Chris Welles miêu tả những gì đã xảy ra như sau:

Ngày 21 tháng Năm, một tháng trước khi công ty đường sắt phá sản, David Bevan, giám đốc tài chính của Penn Central, đã bí mật thông báo với đại diện của các ngân hàng chủ nợ rằng tình hình tài chính của Penn Central nguy ngập đến nỗi họ buộc phải hoãn lại nỗ lực thu gom 100 triệu đô la Mỹ thông qua phát hành trái phiếu để bù đắp cho nguồn vốn lưu động đang bị thiếu hụt trầm trọng. Bevan cũng cho biết, thay vì phát hành trái phiếu, công ty sẽ theo đuổi một khoản vay được bảo đảm bởi chính phủ. Nói cách khác, trừ khi được chính phủ liên bang bảo lãnh, công ty đường sắt sẽ phải đóng cửa. Ngày hôm sau, phòng tín thác của Chase Manhattan bán ra 134.300 cổ phiếu trong số cổ phiếu của Penn Central mà ngân hàng này đang nắm giữ. Trước ngày 28 tháng Năm, khi công chúng được thông báo về việc Penn Central hoãn phát hành trái phiếu, Chase đã kịp bán ra thêm 128.000 cổ phiếu nữa. Trong khi đó, David Rockefeller, chủ tịch hội đồng quản trị của ngân hàng này vẫn hùng hồn phủ nhận cáo buộc rằng Chase đã hành động dựa trên nguồn tin nội bộ.<sup>1</sup>

Hầu như toàn bộ các quyết định quản trị dẫn đến kết cục của Penn Central đều được đưa ra bởi, hoặc dựa trên sự đồng tình của ban giám đốc công ty, hay nói cách khác, chính là các ngân hàng chủ nợ của công ty. Các ngân hàng không thể đổ lỗi cho ban giám đốc yếu kém của Penn Central, bởi lẽ họ chính là ban giám đốc

---

<sup>1</sup> Chris Welles, *The Last Days of the Club* (New York: E.P. Dutton, 1975), trang 398-99.

của Penn Central. Một cuộc điều tra do Wright Patman, Hạ nghị sĩ đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Ngân hàng và Tiền tệ của Hạ viện, tiến hành năm 1972 cho thấy những ngân hàng này đã cung cấp những khoản vay khổng lồ cho các dự án bành trướng tai hại của công ty đường sắt, sau đó lại tiếp tục cho vay hàng triệu đô la để họ trả cổ tức cho cổ đông. Điều này đã tạo nên vẻ ngoài thịnh vượng giả tạo và thổi phồng giá cổ phiếu của công ty trong thời gian đủ dài để công chúng mua vào không chút nghi ngờ. Từ đó, các quan chức ngân hàng đồng thời là giám đốc công ty đã xây dựng một mỏ vàng thu lợi nhuận cho bản thân mình theo ba cách: họ (1) vừa nhận cổ tức dựa trên những cổ phiếu vô giá trị, (2) vừa thu lãi suất trên những khoản vay dùng để chi trả chính những khoản cổ tức đó, và (3) vừa tổng khừ được 1,8 triệu cổ phiếu – dĩ nhiên là sau khi đã hưởng cổ tức – với mức giá cao phi thực tế.<sup>2</sup> Bằng cách này, những giám đốc cấp cao của công ty đã bán sạch cổ phiếu của họ và thu lãi hơn 1 triệu đô la cho bản thân mình.<sup>3</sup>

## **Công chúng phải gánh chịu thiệt hại**

Trong thư giải thích kèm theo bản báo cáo, Hạ nghị sĩ Patman đã tóm tắt quá trình này như sau:

Cứ như thể tất cả mọi người đều là thành viên của một câu lạc bộ khăng khít, trong đó Penn Central và các nhân viên trong công ty có thể tùy tiện vay nợ mà hầu như không gặp bất kỳ khó khăn gì, bất kể khoản vay đó phục vụ lợi ích chung của công ty hay lợi ích riêng của cá nhân. Trong khi đó, các quan chức ngân hàng trong ban giám đốc công ty làm ngơ trước những gì đang xảy ra, mặc cho ban giám đốc đẩy công ty đến bờ vực phá sản bằng cách đầu tư vào những hoạt động đáng ngờ và nhiều khi còn tham gia vào các hoạt động phi pháp. Đổi lại, những ngân hàng này kiểm soát hầu hết những nghiệp vụ ngân hàng béo bở của công ty. Khi trò chơi còn tiếp diễn, những giao dịch này sẽ còn tiếp tục mang lại lợi ích cho mọi thành viên trong câu lạc bộ, trong khi mọi tổn thất sẽ do ngành đường sắt và công chúng gánh chịu.<sup>4</sup>

Đến một ngày cuối tuần, tình trạng thiếu tiền mặt của công ty trở nên nguy kịch, và để tránh cho tập đoàn phải đệ đơn xin phá sản vào sáng thứ Hai, Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang (Fed) Arthur Burns đã gọi điện đến nhà từng người đứng đầu của từng ngân hàng trong Cục Dự trữ Liên bang trên khắp cả nước và yêu cầu họ ngay

---

<sup>2</sup> "Penn Central," *1971 Congressional Quarterly Almanac* (Washington, D.C.: Congressional Quarterly, 1971), trang 838.

<sup>3</sup> "Penn Central: Bankruptcy Filed After Loan Bill Fails," *1970 Congressional Quarterly Almanac* (Washington, D.C.: Congressional Quarterly, 1970), trang 811.

<sup>4</sup> Trích dẫn bởi Welles, trang 404-05.

lập tức bày tỏ quan điểm sẵn sàng cứu trợ của Fed. Vào ngày Chủ nhật, William Treiber, phó chủ tịch thứ nhất chi nhánh New York của Fed, liên hệ với giám đốc mười ngân hàng lớn nhất New York và thông báo về việc Cửa sổ Chiết khấu (*Discount Window - tức các khoản cho vay có chiết khấu – NHD*) của Fed sẽ mở rộng vào sáng hôm sau. Điều đó có nghĩa là Fed đã sẵn sàng tạo ra dòng tiền mới cho các ngân hàng thương mại vay để các ngân hàng này làm số tiền tăng lên nhiều lần và cho Penn Central vay lại.<sup>5</sup> Mức lãi suất của dòng vốn này đủ thấp để bù đắp rủi ro của khoản cho vay. Thứ Hai tuần tiếp đó, Burns khoác lác về những việc đã diễn ra: "Tôi đã buộc Ban giám đốc phải họp gần như cả ngày để thay đổi Quy định Q nhằm đưa tiền chảy vào các Chứng chỉ tiền gửi ở các ngân hàng." Sự kiện này đã được Chris Welles đồng tình mô tả là "những thời khắc mà theo nhận xét chung là tươi đẹp nhất của Fed".<sup>6</sup>

Dù là những thời khắc tươi đẹp nhất hay không, cuối cùng Quốc hội vẫn sẽ phải vào cuộc bởi lẽ các ngân hàng sẽ không tham gia trò chơi này nếu họ không được đảm bảo rằng người nộp thuế sẽ đồng ký chấp thuận khoản cho vay và bảo đảm thanh toán nó. Các giám đốc, quan chức ngân hàng, và đại diện nghiệp đoàn của Penn Central lũ lượt kéo đến ra sức giải thích sự cần thiết của ngành đường sắt đối với lợi ích của công chúng, tầng lớp nhân dân lao động, và cả nền kinh tế. Thậm chí Bộ Hải quân còn kêu gọi Quốc hội bảo vệ "nguồn lực quốc phòng" của quốc gia. Dĩ nhiên Quốc hội không thể nhả tâm phớt lờ những lời khẩn cầu này, và đã ra lệnh có hiệu lực hồi tố yêu cầu tăng lương cho toàn bộ thành viên nghiệp đoàn thêm 13,5%. Gánh nặng này càng làm trầm trọng thêm tình trạng khan hiếm tiền mặt của công ty đường sắt và đẩy công ty này lún sâu hơn vào hố sâu nợ nần. Nhưng ngay sau đó, Quốc hội đã thông qua Đạo luật Dịch vụ Đường sắt Khẩn cấp năm 1970 cấp 125 triệu đô la kèm bảo lãnh thanh toán của chính phủ liên bang.<sup>7</sup>

Dù vậy, những biện pháp này đều không nhằm và cũng không giải quyết được vấn đề cơ bản. Ai cũng biết rằng sớm muộn ngành đường sắt cũng sẽ được "quốc hữu hóa", hay nói trắng ra là nó sẽ trở thành một hố đen ngốn sạch tiền thuế của người dân. Điều này đã trở thành hiện thực với sự ra đời của Tập đoàn Vận tải Đường sắt Quốc gia (AMTRAK) năm 1971 và Tập đoàn Đường sắt Hợp nhất (CONRAIL) năm 1973. AMTRAK tiếp quản mảng dịch vụ vận tải hành khách của Penn Central, còn CONRAIL phụ trách vận hành dịch vụ vận tải hàng hóa. CONRAIL là một tập đoàn tư nhân. Khi mới ra đời, 85% cổ phiếu của tập đoàn này thuộc

<sup>5</sup> Giải thích về hiệu ứng số nhân, xem chương 8, Cơ chế Mandrake.

<sup>6</sup> Welles, trang 407-08.

<sup>7</sup> "Congress Clears Railroad Aid Bill, Acts on Strike," *1970 Congressional Almanac* (Washington, D.C.: 1970), trang 810-16.

quyền sở hữu của chính phủ. Số cổ phiếu còn lại do nhân viên tập đoàn sở hữu. Rất may là số cổ phiếu của chính phủ đã được chào bán ra công chúng vào năm 1987.

AMTRAK tiếp tục hoạt động dưới sự kiểm soát của chính phủ và chịu thua lỗ. Tính đến năm 1998, Quốc hội đã chi cho AMTRAK 21 tỉ đô la. Đến năm 2002, tập đoàn này tiêu tốn hơn 200 triệu đô la tiền thuế mỗi năm. Năm 2005, tập đoàn yêu cầu tăng tiền trợ cấp lên mức 1,8 tỉ đô la một năm. Từ năm 1990 đến năm 2009, tập đoàn lại thua lỗ thêm 23 tỉ đô la nữa. Trái lại, CONRAIL liên tục có lãi kể từ khi được trả về cho bộ phận tư nhân, và hiện tập đoàn này đang nộp thuế vào ngân sách thay vì tiêu tốn tiền thuế của chính phủ.

## Lockheed

Năm 1970, Tập đoàn Lockheed, nhà thầu quốc phòng lớn nhất Hoa Kỳ, đang bờ vực phá sản. Bank of America và một số ngân hàng nhỏ hơn đã cho gã khổng lồ này vay 400 triệu đô la. Không muốn để mất nguồn thu nhập béo bở từ khoản vay này, họ đã thông đồng với ban giám đốc, cổ đông, và nghiệp đoàn của Lockheed để đẩy gánh nặng cho Washington. Luận điệu mà họ đưa ra để thuyết phục các chính trị gia là nếu để Lockheed phá sản, 31 nghìn người sẽ mất việc, hàng trăm nhà thầu phụ sẽ phải đóng cửa, hàng ngàn nhà cung cấp sẽ lâm vào cảnh phá sản, và an ninh quốc gia sẽ bị đe dọa nghiêm trọng. Để duy trì hoạt động tập đoàn cần vay thật nhiều tiền, nhưng với tình hình tài chính khó khăn của tập đoàn hiện thời thì không bên nào muốn cho họ vay cả.

Một kế hoạch cứu trợ nhanh chóng được sắp đặt bởi Bộ trưởng Tài chính John B. Connally, trong đó đảm bảo thanh toán thêm một khoản nợ trị giá 250 triệu đô la nữa – số tiền này sẽ làm tăng khoản nợ của Lockheed lên thêm 60% so với trước đó. Nhưng giờ thì điều đó cũng không còn quan trọng nữa. Các ngân hàng đều sẵn sàng cấp vốn không ngại một khi người nộp thuế đã trở thành người đồng ký tên trong tài khoản.

Giờ thì chính phủ buộc phải đảm bảo rằng Lockheed sẽ giành được thật nhiều hợp đồng quốc phòng và thu về càng nhiều lợi nhuận càng tốt. Đây là một biện pháp gián tiếp hối lộ các ngân hàng bằng tiền thuế mà không làm dấy lên sự phẫn nộ của công chúng. Các nhà thầu quốc phòng khác hoạt động hiệu quả hơn sẽ không được nhận hợp đồng, nhưng không ai có thể chứng minh được điều này. Hơn nữa, sẽ không mấy ai để ý đến một mức tăng nhẹ trong chi phí quốc phòng.

## Thành phố New York

Năm 1975, New York đã chạm đến hạn mức tín dụng và không thể trả lương cho công chức của thành phố. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này không có gì là bí ẩn. Thành phố đã trở thành một hệ thống phúc lợi xã hội thu nhỏ, đạt được thành công về mặt chính trị nhờ vô số những lời hứa về phúc lợi và trợ cấp cho “người nghèo”. Trong khi một thành phố quy mô lớn trung bình có 31 viên chức trên mỗi một ngàn dân, New York có 49 viên chức, và lương của những người này vượt xa lương trong khu vực tư nhân. Mỗi tuần một kỹ thuật viên X quang trong một bệnh viện tư kiếm được 187 đô la, trong khi người phục vụ trên tàu làm việc cho thành phố được trả 203 đô la. Giao dịch viên ngân hàng kiếm được 154 đô la một tuần, trong khi người đổi tiền lẻ cho hệ thống tàu điện ngầm thành phố nhận được 212 đô la. Phụ cấp ngoài của thành phố cũng nhiều gấp đôi của khu vực tư nhân. Ngoài ra còn có giáo dục đại học miễn phí, trợ cấp nhà ở, chăm sóc sức khỏe miễn phí, và vô số các chương trình phúc lợi khác.

Số thuế thành phố thu vào không thể đủ để bù đắp chi phí cho một xã hội không tưởng như vậy. Trong ba cách giải quyết tình trạng thâm hụt này - tăng mức thuế của thành phố, cắt giảm chi tiêu, hoặc đi vay nợ - có thể dễ dàng đoán được phương án mà thành phố sẽ lựa chọn.

Đến năm 1975, lượng trái phiếu bán ra của New York nhiều tới nỗi đã làm bão hòa thị trường và thành phố không thể tìm được thêm người cho vay. Một nhóm nhỏ các ngân hàng, được chi phối bởi Chase Manhattan và Citicorp, là chủ nợ của hai tỷ đô la trong tổng số nợ của thành phố từ việc phát hành trái phiếu.

Khi thành phố không thể tiếp tục trả phần tiền lãi của khoản nợ này, trò chơi Giải cứu bắt đầu. Quan chức các ngân hàng và thành phố đi dọc bờ biển xuống Washington và trình bày hoàn cảnh của họ trước Quốc hội. Theo lý lẽ của họ, chúng ta không thể để cho thành phố lớn nhất thế giới phá sản được. Những dịch vụ thiết yếu sẽ bị tạm dừng, rác thải sẽ chất đống vì không có người dọn, hàng triệu người sẽ sống trong cảnh giao thông ngưng trệ và thậm chí không được cảnh sát bảo vệ. Nạn đói, bệnh dịch, và tội phạm sẽ lan tràn khắp thành phố. Đây sẽ là một nỗi hổ thẹn của nước Mỹ. David Rockefeller, Chủ tịch Chase Manhattan, đã thuyết phục một người bạn của ông ta là Helmut Schmidt, Thủ tướng Tây Đức, phát biểu trước giới truyền thông rằng tình hình tồi tệ ở New York có thể gây ra một cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Dĩ nhiên Quốc hội không hề muốn đặt New York vào tình trạng hỗn loạn, cũng không muốn làm nước Mỹ mất mặt hay gây ra sự hoảng loạn trên thị trường tài chính toàn cầu. Vì vậy tháng Mười Hai năm 1975, Quốc hội đã thông qua dự luật

cho phép Bộ Tài chính cho thành phố vay trực tiếp tới 2,3 tỷ đô la, gấp hơn hai lần số tiền mà thành phố hiện đang nợ các ngân hàng. Ngay lập tức tiền lãi trên số nợ cũ lại tiếp tục được thanh toán, và như vậy mục tiêu của trò chơi đã hoàn thành. Thành phố New York lại tiếp tục trở thành một thiên đường phúc lợi, nhưng chắc chắn rằng họ sẽ không bao giờ thoát được khỏi cảnh nợ nần.

## Chrysler

Năm 1978, Tập đoàn Chrysler đang bên bờ vực phá sản. Khoản nợ của tập đoàn đã được gia hạn nhiều lần và sắp tới lúc không thể gia hạn thêm được nữa. Tập đoàn cũng không muốn vay tiền để trả lãi trên tổng số nợ hiện thời. Thay vào đó, họ yêu cầu được cấp một khoản cấp vốn mới trị giá hơn một tỷ đô la thì mới tiếp tục tham gia vào trò chơi này.

Một lần nữa các giám đốc, quan chức ngân hàng và lãnh đạo nghiệp đoàn lại cầu viện sự giúp đỡ của Washington. Hãy thử hình dung nếu một trong những tập đoàn lớn nhất nước Mỹ phải đóng cửa, hàng ngàn nhân viên và gia đình của họ sẽ lâm vào cảnh khó khăn; nền kinh tế sẽ bị tổn hại nặng nề do làn sóng phản kháng của người thất nghiệp trên khắp cả nước; thị trường ô tô sẽ mất đi một đối thủ cạnh tranh khi chỉ còn hai hãng sản xuất ô tô lớn thay vì ba hãng như trước.

Ai nữ buộc tội Quốc hội chỉ vì họ không muốn đẩy những gia đình vô tội vào cảnh nghèo đói, muốn tránh cho nền kinh tế khỏi bị xáo trộn, đồng thời muốn bảo vệ quyền tự do lựa chọn của công dân đã được quy định trong Hiến pháp? Vì thế một dự luật đã được thông qua, chỉ thị cho Bộ Tài chính bảo đảm một khoản vay mới trị giá lên tới 1,5 tỷ đô la cho Chrysler. Các ngân hàng chấp thuận xóa 600 triệu đô la nợ cũ cho tập đoàn, đồng thời đổi khoản nợ 700 triệu đô la mới lấy cổ phiếu ưu đãi. Cả hai động thái này đều được ca ngợi như một bằng chứng cho thấy các ngân hàng sẵn sàng gánh chịu những khoản lỗ khổng lồ vì lợi ích của quốc gia. Tuy vậy, cũng cần lưu ý rằng giá trị của những cổ phiếu được dùng để đổi lấy khoản nợ xấu trước đó đã tăng mạnh ngay sau khi tin tức về thỏa thuận này được thông báo. Hơn thế nữa, các ngân hàng chẳng những tiếp tục thu được tiền lãi trên những khoản nợ cũ mà còn thay thế được phần nợ đã xóa bằng những khoản nợ mới tốt hơn nhiều do đã được người nộp thuế bảo đảm thanh toán hoàn toàn.

## Ngân hàng Commonwealth Bank of Detroit

Năm 1972, Ngân hàng Commonwealth Bank of Detroit trị giá 1,5 tỷ đô la trở thành trường hợp tiếp theo được giải cứu. Ngân hàng này đã tăng trưởng chóng mặt chủ

yếu nhờ vay nợ từ ngân hàng Chase Manhattan tại New York. Khi Commonwealth Bank of Detroit bị phá sản do đầu cơ chứng khoán và quản trị yếu kém, Chase nắm giữ 39% cổ phiếu phổ thông của ngân hàng này và đã thực sự nắm quyền kiểm soát ngân hàng nhằm tìm cách thu hồi lại số tiền đã cho vay. Giám đốc Tập đoàn Bảo hiểm Tiền gửi Mỹ (FDIC) – ông Sprague – miêu tả những bước đi tất yếu diễn ra sau đó:

Các quan chức của Chase ... gợi ý rằng các cơ quan chính phủ cần phải vào cuộc bởi vấn đề của Commonwealth Bank of Detroit có tác động rất lớn đến quyền lợi của công chúng. Nói trắng ra là Chase đang yêu cầu chính phủ ra tay giải cứu... Đề xuất này đồng nghĩa với việc giải cứu các cổ đông của ngân hàng, trong đó Chase chính là cổ đông lớn nhất.<sup>8</sup>

Các giám đốc ngân hàng lập luận rằng không thể để cho Commonwealth Bank of Detroit phá sản được vì họ cung cấp những dịch vụ ngân hàng “thiết yếu” cho cộng đồng. Lý lẽ này dựa trên hai cơ sở: (1) Ngân hàng phục vụ nhiều nhóm khách hàng thiểu số trong vùng và (2) không có đủ số ngân hàng trong thành phố để hấp thụ hoạt động của ngân hàng này mà không gây ra tình trạng không lành mạnh là sức mạnh ngân hàng tập trung trong tay một số ít nhà băng.

FDIC không muốn bị mang tiếng là thờ ơ trước nhu cầu của các nhóm thiểu số hay hủy hoại môi trường cạnh tranh tự do giữa các doanh nghiệp. Vì vậy, ngày 17 tháng Một năm 1972, Commonwealth Bank of Detroit đã được giải cứu bằng một gói cho vay trị giá 60 triệu đô la kèm theo những bảo lãnh của chính phủ liên bang. Chase phải chịu lỗ chút ít, nhưng số tiền này chẳng thấm vào đâu so với khoản lỗ họ sẽ phải chịu nếu không có sự can thiệp của FDIC.

Do Commonwealth Bank of Detroit cần tiếp tục tồn tại để tránh tình trạng tập trung quyền lực tài chính, FDIC đã sắp đặt thương vụ bán ngân hàng này cho Tập đoàn First Arabian, một công ty của Luxembourg được cấp vốn bởi các hoàng tử A-rập. Ngân hàng tiếp tục hoạt động trong tình cảnh khó khăn cho đến năm 1983 thì phần còn lại được bán nốt cho Công ty Tín thác và Ngân hàng Detroit, nay là Comerica. Như vậy, cuối cùng thì viễn cảnh đáng lo ngại về việc tập trung quyền lực tài chính trong khu vực cũng trở thành sự thật, nhưng là sau khi Chase đã rút khỏi thỏa thuận và được bù đắp gần như toàn bộ số tiền thua lỗ của họ.

---

<sup>8</sup> Sprague, trang 68.



## Ngân hàng First Pennsylvania Bank

Ngân hàng First Pennsylvania Bank của Philadelphia là trường hợp kế tiếp được giải cứu vào năm 1980. Với khối tài sản trị giá hơn 9 tỷ đô la, ngân hàng này lớn gấp 6 lần Commonwealth Bank of Detroit. Đồng thời đây cũng là ngân hàng lâu đời nhất nước Mỹ, đã tồn tại từ thời Bank of North America (Ngân hàng Bắc Mỹ) do Quốc hội Lục địa thành lập năm 1781.

Ngân hàng đã tăng trưởng nhanh chóng và thu về những khoản lợi nhuận kếch xù nhờ phong cách lãnh đạo xông xáo của Giám đốc điều hành John Bunting, nhà kinh tế trước đây từng làm việc tại Cục Dự trữ Liên bang và là điển hình cho thời kỳ những nhà làm ngân hàng liều lĩnh. Bằng việc giảm các hệ số an toàn, cho vay rủi ro cao và đầu cơ trái phiếu, ông ta đã khiến cho doanh thu của ngân hàng tăng trưởng mạnh mẽ. Chừng nào nền kinh tế còn phát triển, chừng đó ngân hàng còn có thể tha hồ hưởng lợi nhuận từ những phi vụ mạo hiểm như vậy. Nhưng khi thị trường trái phiếu diễn biến không thuận lợi, ngân hàng lập tức rơi vào cảnh thua lỗ. Đến năm 1979, First Penn buộc phải bán đi một số công ty con đang sinh lời để bù đắp cho vốn hoạt động do nợ xấu đã lên tới 328 triệu đô la, nhiều hơn 16 triệu đô la so với phần vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Đã đến lúc phải chuyển gánh nặng thua lỗ này sang vai người đóng thuế.

Các quan chức ngân hàng đã tới Washington để trình bày trường hợp của mình: việc giải cứu ngân hàng First Penn không chỉ là "thiết yếu" đối với sự tồn tại của ngành ngân hàng ở Philadelphia mà còn cực kỳ quan trọng đối với sự ổn định của kinh tế thế giới. Theo họ, ngân hàng này quá lớn đến nỗi nếu phá sản nó sẽ trở thành quân cờ domino đầu tiên của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Sprague nhớ lại:

Ngay từ đầu đã có nhiều bên cùng gây áp lực nhằm ngăn chặn sự sụp đổ của ngân hàng này: không chỉ bản thân First Penn, các ngân hàng lớn khác cũng như trường ban tài chính mà cả Fed cũng lên tiếng. Tôi nhớ là trong một phiên họp, Phó chủ tịch Fed, Fred Schultz, đã cao giọng tranh luận rằng chúng ta không còn con đường nào khác cả ngoài việc giải cứu ngân hàng này. Ông ấy nói: "Đừng có lãng phí thêm thời gian thảo luận về bất kỳ phương án nào khác nữa!"<sup>9</sup>

Các giám đốc của FDIC không muốn tranh luận với Cục Dự trữ Liên bang, và chắc hẳn họ cũng không muốn bị coi là thủ phạm gây xáo trộn hệ thống kinh tế toàn cầu bằng cách xô đổ quân cờ domino đầu tiên. Do đó, một gói giải cứu đã ra đời

---

<sup>9</sup> Sprague, trang 88-89.

đúng lúc, trong đó FDIC chấp thuận cho ngân hàng vay 325 triệu đô la không tính lãi trong năm đầu tiên và lãi suất ưu đãi cho các năm tiếp theo, chỉ bằng khoảng một nửa lãi suất thị trường.

## **Continental Illinois**

Đầu những năm 1980, Continental Illinois của Chicago là ngân hàng lớn thứ bảy nước Mỹ. Với khối tài sản trị giá 42 tỷ đô la và 12 ngàn nhân viên, danh mục cho vay của ngân hàng này đã tăng trưởng một cách ngoạn mục. Thu nhập ròng trên các khoản cho vay tăng gấp đôi chỉ trong vòng 5 năm và đến năm 1981 đã đạt mức 254 triệu đô la một năm. Nhờ đó ngân hàng chẳng những được các chuyên gia phân tích thị trường vô cùng ưu ái mà còn được Dun's Review liệt kê trong số năm công ty được quản trị tốt nhất Hoa Kỳ. Những người dẫn dắt dư luận này không nhận ra rằng thành tích đáng nể đó có được không phải là nhờ chuyên môn trong lĩnh vực ngân hàng hay đầu tư, mà là do các khoản vay dành cho các doanh nghiệp yếu kém và các chính phủ nước ngoài không thể vay được từ bất kỳ nguồn nào khác.

Mọi chuyện chỉ vỡ lở vào cuối tuần lễ Quốc khánh năm 1982 khi Ngân hàng Penn Square Oklahoma bị phá sản. Ngân hàng trùng tên với trung tâm mua sắm Penn Square này đã trở nên khét tiếng sau khi họ đầu tư một tỷ đô la vào ngành dầu khí và bán lại khoản nợ này cho Continental ngay trước khi thị trường năng lượng sụp đổ. Cùng lúc đó, những khoản nợ khác của Continental cũng phát sinh nhiều vấn đề. Giữa bối cảnh cuộc khủng hoảng nợ tại Mexico và Argentina càng lúc càng căng thẳng và tin tức về hàng loạt những vụ phá sản của các tập đoàn lớn tràn ngập mặt báo hàng ngày, không may là Continental đã cho tất cả các tập đoàn này vay những khoản nợ lớn với lãi suất thấp. Ảnh hưởng của những sự kiện này làm sụt giảm mức xếp hạng tín dụng của Continental, và những người gửi tiền thận trọng bắt đầu rút tiền của họ ra khỏi ngân hàng, trong khi lượng tiền gửi mới giảm xuống chỉ còn nhỏ giọt. Đến lúc này, nhu cầu tiền mặt của ngân hàng để chi trả những chi phí phát sinh hàng ngày đã trở nên thực sự bức thiết. Họ cố tìm cách thu hút nguồn vốn mới bằng cách bắt đầu phát hành chứng chỉ tiền gửi với mức lãi suất cao phi thực tế. Các nhân viên tín dụng được ngân hàng phái đi lùng sục thị trường châu Âu và Nhật Bản và thực hiện một chiến dịch quan hệ công chúng nhằm thuyết phục các nhà quản lý thị trường rằng ngân hàng vẫn đang ổn định và vững vàng. David Taylor, chủ tịch ngân hàng vào thời điểm đó, phát biểu: "Biệt đội

Bảo đảm Ngân hàng Continental Illinois của chúng tôi đã được thành lập và tỏa đi khắp thế giới.”<sup>10</sup>

Đến cuối năm 1983, gánh nặng nợ xấu của ngân hàng đã lớn tới mức khó có thể chống đỡ được và vẫn không ngừng gia tăng ở mức đáng báo động. Năm 1984, tổng nợ xấu lên tới 2,7 tỷ đô la. Trong cùng năm đó, ngân hàng phải thanh lý bộ phận kinh doanh thẻ tín dụng đang hoạt động có lãi để bù đắp cho khoản thua lỗ và trả cổ tức định kỳ hàng quý cho cổ đông. Bên trong ngân hàng hầu như đã suy sụp hoàn toàn, nhưng họ vẫn cố gắng duy trì công việc kinh doanh bên ngoài như thường lệ.

Biến cố đầu tiên làm rạn nứt vẻ ngoài ổn định của Continental Illinois xảy ra vào lúc 11 giờ 39 phút sáng ngày thứ Ba, mùng 8 tháng Năm, khi hãng thông tấn của Anh *Reuters* đưa tin trên mạng thông tin hữu tuyến rằng các ngân hàng ở Hà Lan, Tây Đức, Thụy Sĩ, và Nhật Bản đã đồng loạt nâng mức lãi suất cho vay đối với Continental và thậm chí một vài ngân hàng đã bắt đầu rút tiền gửi khỏi ngân hàng này. Bài báo cũng trích dẫn thông báo chính thức của Continental Illinois cho rằng tin đồn về việc ngân hàng này sắp phá sản là “hoàn toàn vớ vẩn.”

### **Trường hợp đột biến rút tiền gửi đầu tiên trên thế giới qua kênh điện tử**

Sáng ngày tiếp theo khi mặt trời vừa ló rạng, các nhà đầu tư nước ngoài bắt đầu tháo chạy khỏi ngân hàng. Ngay trong ngày đầu tiên, một tỷ đô la tiền của các khách hàng châu Á đã bị rút khỏi ngân hàng. Ngày tiếp theo đó – chỉ hơn 24 tiếng sau khi Continental trấn an dư luận rằng nguy cơ phá sản chỉ là tin đồn thất thiệt – khách hàng lâu năm của ngân hàng là Công ty Board of Trade Clearing Corporation đã yêu cầu rút 50 triệu đô la. Tin tức về sự tháo chạy lan nhanh qua các dịch vụ thông tin hữu tuyến về tài chính khiến cho những người gửi tiền bắt đầu hoảng loạn, dẫn đến trường hợp đột biến rút tiền gửi đầu tiên trên thế giới qua kênh điện tử.

Sang ngày thứ Sáu, ngân hàng đã buộc phải vay 3,6 tỷ đô la từ Cục Dự trữ Liên bang để bù đắp phần tiền gửi bị hao hụt. Ngoài ra, một nhóm gồm 16 ngân hàng, đứng đầu là Morgan Guaranty, cũng đề nghị cung cấp cho Continental một hạn mức tín dụng hào phóng với kỳ hạn 30 ngày, nhưng tất cả vẫn chưa thấm vào đâu so với nhu cầu của ngân hàng này. Trong vòng bảy ngày sau đó, số tiền bị rút khỏi ngân hàng đã lên tới hơn 6 tỷ đô la.

<sup>10</sup> Trích dẫn bởi Chernow, trang 657.

Ban đầu, hầu như toàn bộ hoạt động này đều được giữ trong phạm vi tổ chức: các ngân hàng khác và các quỹ được quản lý một cách chuyên nghiệp theo dõi sát sao từng chi tiết nhỏ trên các thị trường tài chính. Trong lúc đó, công chúng không hề hay biết gì về thảm họa này, thậm chí ngay cả khi nó đã xảy ra. Chernow nói: “Việc tiền gửi bị ồ ạt rút khỏi Continental giống như một câu chuyện tưởng tượng thời hiện đại: không còn hình ảnh đám đông người gửi tiền chen chúc trong hỗn loạn, cơn ác mộng thực sự nằm ở những thông tin hiển thị chớp nhoáng một cách bình thản trên màn hình máy tính.”<sup>11</sup> Sprague viết: “Bên trong ngân hàng, không khí vẫn rất bình thản, số lượng khách hàng ngoài quầy giao dịch vẫn như thường lệ, và nhân viên ngân hàng nhớ lại rằng không hề có dấu hiệu nào cho thấy họ đang có vấn đề về thanh khoản – ngoại trừ trong phòng giao dịch điện tử. Nhân viên trong phòng này hiểu rõ chuyện gì đang diễn ra khi thấy lệnh rút tiền ồ ạt đổ về hệ thống, đẩy Continental đến bờ vực phá sản. Một số nhân viên đã khóc.”<sup>12</sup>

Ngay từ đầu, chỉ có một câu hỏi quan trọng duy nhất: làm thế nào để đánh lừa được người nộp thuế chấp thuận việc giải cứu ngân hàng. Nguyên tắc của trò chơi giải cứu đòi hỏi mưu đồ này phải được ngụy trang thành một nỗ lực anh hùng nhằm bảo vệ công chúng. Trong trường hợp của Continental, có thể dễ dàng áp dụng thủ đoạn này do tầm cỡ của những con số là quá lớn. Có quá nhiều người gửi tiền tại ngân hàng này, quá nhiều tỷ đô la có nguy cơ mất trắng, quá nhiều ngân hàng bị liên đới, và như vậy nền kinh tế của nước Mỹ cũng như của cả thế giới chắc chắn sẽ bị đe dọa nghiêm trọng. Ai dám đảm bảo điều đó sẽ không xảy ra? Sprague cũng lập luận tương tự:

Một buổi họp đã được tổ chức vào sáng sớm ngày thứ Ba, 15 tháng Năm, tại Cục Dự trữ Liên bang... Chúng tôi thảo luận về các phương án khác nhau. Trên thực tế gần như không còn lựa chọn nào khác... [Bộ trưởng Bộ Tài chính] Regan và [Chủ tịch Fed] Volcker một lần nữa bày tỏ sự lo ngại trước nguy cơ Continental phá sản sẽ gây ra phản ứng dây chuyền làm sụp đổ hệ thống ngân hàng quốc gia. Volcker sợ rằng một cuộc khủng hoảng sẽ diễn ra trên toàn thế giới. Tất cả chúng tôi đều nhận thức sâu sắc rằng từ trước đến nay chưa bao giờ có ngân hàng nào có quy mô dù chỉ gần bằng Continental phá sản. Không ai biết liệu nước Mỹ và thế giới có thể phải đối mặt với vấn đề gì. Nhưng dù là gì đi nữa, đây không phải là lúc để mặc cho thảm họa đó xảy ra chỉ để thỏa mãn trí tò mò.<sup>13</sup>

---

<sup>11</sup> Chernow, trang 658.

<sup>12</sup> Sprague, trang 153.

<sup>13</sup> *Như trên*, trang 154-55, 183.

Đây chính là thời điểm vàng để Cục Dự trữ Liên bang và FDIC chứng tỏ vai trò của mình. Nếu chính phủ không vào cuộc, lẽ ra Continental đã sụp đổ kéo theo toàn bộ số tiền đầu tư của các cổ đông, gây thiệt hại nặng nề cho những người gửi tiền, nhưng đổi lại ngành tài chính sẽ hiểu ra rằng các ngân hàng không thể chỉ nói suông mà phải thực sự quản lý một cách thận trọng. Thông lệ quản lý ngân hàng lẽ ra sẽ được thay đổi một cách triệt để, và lợi ích kinh tế trong dài hạn mà nước Mỹ (và cả thế giới) đáng ra sẽ được hưởng là vô cùng to lớn. Nhưng sự can thiệp của chính phủ đã làm gián đoạn quy luật của thị trường tự do, và người nộp thuế trở thành đối tượng gánh chịu toàn bộ phí tổn do sự phá sản và gian lận của ngân hàng. Những người gửi tiền vẫn tin tưởng vào sự an toàn giả tạo của hệ thống ngân hàng, trong khi đó các ngân hàng tha hồ gian lận và hoạt động một cách liều lĩnh vì họ biết rằng các chính trị gia sẽ sẵn sàng giải cứu họ nếu có bất kỳ rắc rối nào xảy ra.

### **Gói giải cứu cuối cùng**

Trong buổi họp ngày 15 tháng Năm, Bộ trưởng Tài chính Regan hùng hồn diễn thuyết về tầm quan trọng của thị trường tự do và việc cần phải để các ngân hàng tự mình vạch ra kế hoạch giải cứu nhằm giải quyết ít nhất là một phần nợ của ngân hàng. Ngay sáng ngày hôm sau, một buổi họp cấp cao giữa chủ tịch của bảy ngân hàng lớn nhất Hoa Kỳ đã được tổ chức để thảo luận về kế hoạch này. Dù có sự tham gia của cả bảy ngân hàng Morgan Guaranty, Chase Manhattan, Citibank, Bank of America, Chemical Bank, Bankers Trust và Manufacturers Hanover, nhưng thực chất buổi họp này chỉ mang tính chiếu lệ. Các quan chức ngân hàng biết quá rõ rằng chính quyền Reagan không đời nào muốn mạo hiểm tiền đồ chính trị trước một vụ phá sản ngân hàng lớn đến vậy. Việc Continental vỡ nợ sẽ làm xấu đi hình ảnh của Tổng thống và Quốc hội trong đợt bầu cử lại. Dù vậy, nhằm duy trì hình ảnh cứng rắn trong mắt công chúng, chính phủ vẫn phải thực hiện một số biện pháp mang tính hình thức. Bên cạnh đó, sự thúc giục từ phía Fed và Bộ Tài chính đã buộc các ngân hàng phải chấp thuận đóng góp một khoản giải cứu trị giá 500 triệu đô la – tính ra trung bình mỗi ngân hàng chỉ đóng góp 71 triệu đô la, thấp hơn rất nhiều so với nhu cầu cứu trợ thực tế. Chernow mô tả kế hoạch này là một "trò giả vờ" và nhận xét rằng "họ vờ như nỗ lực tiến hành cứu trợ".<sup>14</sup> Sprague cho chúng ta biết thêm một số chi tiết như sau:

Các quan chức ngân hàng nói rằng họ sẵn sàng tham gia mọi kế hoạch giải cứu, nhưng họ lại không muốn mất chút tiền nào cả. Họ khẳng khái đòi được

---

<sup>14</sup> Chernow, trang 659.

bảo lãnh. Họ vừa muốn hưởng tiếng tốt là đã tham gia đóng góp tiền cứu trợ, lại vừa muốn được đảm bảo rằng số tiền họ đóng góp sẽ không mất đi đâu cả... Đến 7 giờ 30 phút sáng chúng tôi vẫn chưa đạt được thỏa thuận đáng kể nào. Chúng tôi đã nghĩ rằng chỉ vài tiếng nữa thôi tình hình sẽ hoàn toàn vượt khỏi tầm kiểm soát. Continental sắp bước sang một ngày làm việc mới, và thị trường chứng khoán sẽ mở cửa lúc 10 giờ. Isaac [một giám đốc khác của FDIC] và tôi đã hội ý cùng nhau ngoài hành lang. Chúng tôi nhất trí tiến hành giải cứu mà không cần sự hỗ trợ của các ngân hàng. Chúng tôi trình bày kế hoạch với Conover [giám đốc thứ ba của FDIC] và ông ấy cũng tán thành...

[Sau đó], Bernie McKeon, giám đốc khu vực của FDIC tại New York, thông báo cho chúng tôi rằng các quan chức ngân hàng đã chấp nhận mạo hiểm và đồng ý tham gia cứu trợ. Thực ra, giờ thì chẳng còn rủi ro nào nữa vì thông báo của chúng tôi đã đảm bảo bảo lãnh hoàn toàn cho khoản cứu trợ.<sup>15</sup>

Gói giải cứu cuối cùng thực chất chỉ là một sự đổi trá. Về căn bản, chính phủ tiếp quản Continental Illinois và thay họ chịu toàn bộ các khoản thua lỗ. FDIC mua lại số nợ xấu trị giá 4,5 tỷ đô la của Continental với giá 3,5 tỷ đô la và bù đắp số tiền chênh lệch bằng cách bơm thêm 1 tỷ đô la vào ngân hàng dưới hình thức mua cổ phiếu. Nhờ đó, lúc này chính phủ đã trở thành cổ đông chính nắm giữ 80% cổ phiếu của ngân hàng, đồng thời trút được toàn bộ nợ xấu của ngân hàng lên vai người nộp thuế. Như vậy, mặc dù bề ngoài Continental vẫn là một tổ chức tư nhân, nhưng thực chất ngân hàng này đã bị quốc hữu hóa.

Cho đến năm 1984, Cục Dự trữ Liên bang và Bộ Tài chính đã chi 8 tỷ đô la – một số tiền lớn đến mức choáng váng – để giải cứu Continental. Đến đầu năm 1986, con số này đã lên tới 9,24 tỷ đô la và vẫn tiếp tục tăng. Biện minh cho việc tiêu tốn quá nhiều tiền thuế vào Continental, Chủ tịch Fed Paul Volcker đã nói: “Hoạt động này là chức năng cơ bản nhất của Cục Dự trữ Liên bang. Đây chính là lý do vì sao Cục Dự trữ Liên bang được thành lập.”<sup>16</sup> Phát biểu của Chủ tịch Fed đã vô tình khẳng định một trong những điểm gây tranh cãi của cuốn sách này.

## **Thiệt hại của các ngân hàng nhỏ**

Như đã đề cập trong phần trước, các ngân hàng lớn nghiêm nhiên được FDIC bảo lãnh trong khi những ngân hàng nhỏ sẽ bị hy sinh. Vụ bảo lãnh Continental Illinois chính là ví dụ rõ ràng nhất cho thực tế này.

---

<sup>15</sup> Sprague, trang 159-60.

<sup>16</sup> Trích dẫn bởi Greider, trang 628.

Năm 1983, Continental nộp 6,5 triệu đô la vào FDIC để bảo hiểm cho khoản tiền gửi trị giá 3 tỷ đô la tại ngân hàng này. Tuy nhiên, toàn bộ khoản nợ của ngân hàng - bao gồm cả tiền gửi của các tổ chức và tiền gửi từ nước ngoài – trên thực tế lớn gấp 10 lần con số đó, đã được FDIC bảo lãnh thanh toán toàn bộ. Sprague đã thừa nhận rằng “Các ngân hàng nhỏ trả nhiều tiền bảo hiểm hơn các ngân hàng lớn nhưng lại có ít cơ hội được bảo lãnh trọn gói như trường hợp của Continental hơn.”<sup>17</sup>

Chính xác là như vậy. Trong cùng tuần FDIC và Fed cung cấp gói giải cứu trị giá hàng tỷ đô la cho Continental Illinois, họ đã đóng cửa những ngân hàng nhỏ khác như ngân hàng Bledsoe County Bank tại Pikeville, Tennessee, Planters Trust and Savings Bank of Opelousas, Louisiana. Trong nửa đầu năm đó, 43 ngân hàng với quy mô nhỏ đã lâm vào cảnh phá sản mà không nhận được bất kỳ khoản cứu trợ nào của FDIC. Trong hầu hết các trường hợp, các ngân hàng nhỏ được sáp nhập vào một ngân hàng lớn hơn.

Ảnh hưởng của sự bất bình đẳng này là vô cùng to lớn. Vô hình trung, các quan chức ngân hàng và người gửi tiền ngầm hiểu rằng các ngân hàng nhỏ sẽ bị đóng cửa ngay nếu có vấn đề, trong khi đó các ngân hàng lớn luôn luôn an toàn bất kể chúng được quản lý một cách yếu kém và gian lận đến thế nào. Trả lời phỏng vấn của phóng viên, một chuyên viên đầu tư tại New York cho rằng, Continental Illinois, dù vừa bị phá sản, “rõ ràng là ngân hàng an toàn nhất cả nước mà bạn nên gửi tiền vào.”<sup>18</sup> Không kế hoạch nào có thể hoàn hảo hơn trong việc đẩy những ngân hàng nhỏ độc lập vào cảnh phá sản hoặc buộc họ phải tự bán mình cho những gã khổng lồ. Kể từ năm 1984, trong bối cảnh hàng trăm ngân hàng nhỏ bị đóng cửa, quy mô trung bình của các ngân hàng còn tồn tại đã tăng hơn gấp đôi. Hẳn chúng ta còn nhớ rằng lợi thế của các ngân hàng lớn trước các ngân hàng nhỏ chính là một trong số những mục tiêu của kế hoạch được vạch ra trên đảo Jekyll.

## **Sự đổ vỡ của thị trường cho vay dưới chuẩn**

Đến năm 2008, cỗ máy hủy diệt đang trên đà chạy hết công suất. Lãi suất được giữ ở mức thấp trong hàng chục năm đã cám dỗ những người chủ sở hữu nhà, những kẻ đầu cơ và cả các nhà băng cùng tham gia vào thị trường bất động sản với hy

---

<sup>17</sup> Sprague, trang 250.

<sup>18</sup> "New Continental Illinois Facing Uncertain Future," tác giả Keith E. Leighty, Associated Press, Thousand Oaks, Calif., *News Chronicle*, ngày 13 tháng 5, 1985, trang 18.

vọng kiếm bộn tiền nhờ giá nhà đất không ngừng leo thang. Các ngân hàng lớn biết rõ rằng họ sẽ được Fed bảo lãnh nếu gặp rắc rối, nên họ không hề đề phòng gì và sẵn sàng cho vay vô tội vạ, miễn là người vay ký vào giấy vay nợ, bất chấp họ có khả năng trả nợ hay không. Nhiều ngân hàng thậm chí còn giả mạo giấy tờ để khai khống giá trị của tài sản thế chấp cũng như thu nhập của người đi vay, và sau đó cung cấp các khoản vay còn lớn hơn cả giá trị của tài sản thế chấp. Luật chơi rất đơn giản: Cho vay dưới chuẩn càng nhiều càng tốt, sau đó tập hợp các khoản nợ có đặc điểm tương đồng lại thành những món nợ lớn, đặt cho chúng một cái tên thật ấn tượng, chẳng hạn như Quỹ "Prime Diversified Fund," sau đó bán lại số nợ này cho những nhà đầu tư ngây thơ. Hai trong số những tổ chức lớn nhất đóng vai trò trung gian cho âm mưu này là Fannie Mae và Freddie Mac, những ngân hàng chuyên tái đóng gói các khoản vay và do chính phủ tài trợ.

Kế hoạch này tạm thời phát huy tác dụng do lãi suất được Fed giữ ở mức thấp đã tạo nên cơn sốt bất động sản và kéo giá nhà ở tăng cao chóng mặt. Những người trước kia đã trót đi vay và không có khả năng trả nợ giờ đây có thể bán nhà của mình và thu được lợi nhuận cho dù họ không trả được nợ. Hiếm khi có vụ tịch biên tài sản nào xảy ra, và dường như tương lai của các gói đầu tư vẫn rất vững chắc. Tuy nhiên, không nằm ngoài quy luật của mọi cơn sốt do các tác nhân thị trường bị thao túng gây ra, cơn sốt bất động sản cuối cùng cũng phải chấm dứt. Hậu quả của cơn sốt này càng trở nên trầm trọng hơn trong bối cảnh lạm phát lan tràn, thuế cao, các quy định điều tiết tai hại, và vô số việc làm bị mất đi trước áp lực cạnh tranh của các nước khác. Tất cả những yếu tố đó đã góp phần dẫn đến suy thoái kinh tế.

Số vụ tịch biên tài sản bắt đầu gia tăng cũng là lúc Fannie Mae, Freddie Mac, các ngân hàng lớn và những người môi giới cho vay gặp rắc rối. Chẳng những phải đối mặt với nguy cơ không thu hồi được những khoản nợ xấu, họ còn trở thành bị đơn trong hàng trăm vụ kiện của các nhà đầu tư tổ chức – nạn nhân của những gói đầu tư lừa đảo do họ tung ra. Một lần nữa, Cục Dự trữ Liên bang lại phải vào cuộc để giải cứu những đối tượng này bằng cách phát hành mới một nghìn tỷ đô la. Phóng viên Ambrose Evans-Prichard viết trên tờ *London Telegraph*:

Nhờ có gói cứu trợ khẩn cấp, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã nắm toàn quyền bơm vốn cho Fannie Mae và Freddie Mac – hai tổ chức cho vay thế chấp khổng lồ đóng vai trò sở hữu hoặc bảo đảm cho một nửa trong tổng số các khoản vay mua nhà trị giá 12 nghìn tỷ đô la trên toàn nước Mỹ. Một lần nữa trần nợ công của Hoa Kỳ được nới rộng thêm 800 tỷ đô la, cho phép Bộ Tài chính có thể hỗ trợ hai tổ chức này với nguồn lực gần như không giới hạn. Trong khi đó, Cơ quan Quản lý Nhà Liên bang (Federal Housing Authority - FHA) cũng cam kết cho vay



mới 300 tỷ đô la, nhằm tới đối tượng là những chủ nhà đang gặp khó khăn với chi phí đi vay tăng vọt, thường là hậu quả của những hợp đồng "mật ngọt chết ruồi".

Kế hoạch này nhằm tránh tình trạng vỡ nợ hàng loạt trong bối cảnh thị trường bất động sản tiếp tục lao dốc không phanh. Hơn 740 nghìn căn nhà đã bị tịch biên chỉ trong quý hai. ... Giá cổ phiếu của Fannie và Freddie, hai thể chế tài chính lớn nhất thế giới, đã giảm gần 85%.<sup>19</sup>

## Sự sụp đổ của lâu đài bằng giấy

Cho đến lúc này, mọi diễn biến mới chỉ là màn dạo đầu chậm rãi cho cuộc đổ bộ điên cuồng của hàng loạt những thảm họa tài chính mới cùng những vụ giải cứu khổng lồ sắp xảy ra. Đây cũng là lúc tòa nhà xây từ những quân bài bắt đầu đổ sụp. Tháng Chín năm 2008, chính phủ liên bang tiếp quản Fannie Mae và Freddie Mac và đổ vào đây hơn 100 tỷ đô la. Trong cùng tháng, chính phủ cho Công ty Bảo hiểm AIG vay 85 tỷ đô la để cứu công ty này thoát khỏi cảnh phá sản. Cả hai khoản vay đều do Cục Dự trữ Liên bang cung cấp, và mọi người đều hiểu rằng các tổ chức này hoàn toàn không có khả năng trả nợ. Người tiêu dùng sẽ phải thay họ gánh số nợ đó dưới hình thức lạm phát trong tương lai. (Thật tình cờ là trước đó Fannie Mae và Freddie Mac đã đóng góp 4,8 triệu đô la cho chiến dịch quyên góp cho các Hạ nghị sĩ.<sup>20</sup>) Ngay sau khi được giải cứu, các giám đốc AIG đã tổ chức một cuộc họp dài chín ngày để ăn mừng vận may của công ty và thảo luận về đường đi nước bước trong tương lai. Cuộc họp diễn ra tại khu nghỉ dưỡng St. Regis trên bãi biển Monarch, California, nơi mà giá mỗi đêm nghỉ lên tới 500 đô la.<sup>21</sup>

Một trong những chiến lược được các giám đốc AIG ưu tiên ở mức cao nhất là làm thế nào để che giấu khoản tiền thưởng của họ, bởi những người nộp thuế chắc chắn sẽ không chấp nhận việc những kẻ đẩy công ty vào cảnh phá sản lại được trao thưởng bằng chính số tiền mà họ phải vất vả mới kiếm được. AIG quyết định gọi những khoản tiền thưởng này là "khoản chi trả lợi nhuận giữ lại." Về sau, khi công chúng đòi hỏi luật pháp phải quy định giới hạn của khoản chi trả lợi nhuận

---

<sup>19</sup> "Fannie Mae and Freddie Mac: Congress backs rescue package," tác giả Ambrose Evans-Prichard, *Telegraph.co.uk* (Net), ngày 28 tháng 7, 2008.

<sup>20</sup> "Fannie Mae and Freddie Mac Invest in Lawmakers," tác giả Lindsay Renick Mayer, *Open Secrets* (Net), ngày 11 tháng 9, 2008.

<sup>21</sup> "Executives at bailed-out AIG stayed at \$500 a night California resort," tác giả Andrew Clark, *Guardian* (Internet), ngày 7 tháng 10, 2008.

giữ lại, AIG cũng không buồn quanh co chơi chữ nữa mà trực tiếp nâng luôn mức lương và phụ cấp cho các giám đốc của công ty.<sup>22</sup>

## Vụ giải cứu ngân hàng trị giá 700 tỉ đô la (hay 5 nghìn tỉ đô la?)

Tháng Mười năm 2008, dự luật giải cứu trị giá 700 tỷ đô la được Quốc hội thông qua nhằm cứu trợ cho các ngân hàng lớn nhất nước đang ngập ngừng bên bờ vực phá sản. Những Hạ nghị sĩ bỏ phiếu tán thành dự luật này đã nhận được số tiền quyên góp từ các ngân hàng nhiều hơn 54% so với những người bỏ phiếu chống.<sup>23</sup> Các phương tiện truyền thông đều chấp hành yêu cầu của Nhà Trắng về việc ngừng sử dụng từ "giải cứu" (bailout) và thay vào đó bằng từ "cứu giúp" (rescue).<sup>24</sup>

Dù thế giới sững sốt trước số tiền giải cứu khổng lồ 700 tỷ đô la nhưng thực tế thậm chí còn choáng váng hơn. Credit Sights, một hãng nghiên cứu độc lập tại New York và London, đã xem xét tổng số tiền bảo lãnh, bao gồm cả những thỏa thuận không được công bố rộng rãi của Cục Dự trữ Liên bang và FDIC, và kết luận rằng khoản tiền giải cứu thực tế lên tới 5 nghìn tỷ đô la.<sup>25</sup> Điều này đồng nghĩa với việc mỗi người Mỹ đã bị mất đi một khoản tiền tiết kiệm và sức mua trị giá 16.500 đô la.

Không lâu sau đó, American Express được nhận số tiền giải cứu 3,39 tỷ đô la. Các giám đốc trong ngành thép cũng triển khai vận động hành lang để được ưu đãi tương tự. GMAC, đơn vị quản lý tài chính thuộc General Motors, cũng được cho phép chuyển đổi cơ cấu thành ngân hàng thương mại để có đủ điều kiện được giải cứu. Ngay trước ngày lễ Tạ ơn, chính phủ tiến hành giải cứu Citigroup với số tiền là 45 tỷ đô la. Goldman Sachs công bố lỗ 2,1 tỷ đô la và bắt đầu đàm phán để được giải cứu. Vào tháng 11, Bank of America nhận được số tiền giải cứu trị giá 15 tỷ đô la và sau đó đầu tư 7 tỷ đô la vào Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc.<sup>26</sup> Chỉ vài ngày sau, Bộ Tài chính thông báo khoản thâm hụt ngân sách kỷ lục chưa từng có trong lịch sử Hoa Kỳ lên tới 1 nghìn tỷ đô la.

<sup>22</sup> "AIG Says More Managers Get Retention Payouts Topping \$4 Million," tác giả Hugh Son, *Bloomberg* (Net), ngày 9 tháng 12, 2008.

<sup>23</sup> "House Members Who Voted Yes on Bailout," *Think Progress* (Net), ngày 30 tháng 9, 2008.

<sup>24</sup> The White House Says "Rescue" not "Bailout," and Fox Does as It's Told, *News Hounds* (Net), ngày 30 tháng 9, 2008.

<sup>25</sup> "Washington's \$5 Trillion Tab," tác giả Elizabeth Moyer, *Forbes* (Net), ngày 12 tháng 11, 2008.

<sup>26</sup> "Bank of America's stake in China Construction Bank may play well," *New York Times*, ngày 18 tháng 10, 2008.

## Hàng tỉ đô la cho những nhà sản xuất ô tô

Không khí ở Washington lúc này rất tắc nghẽn. Đầu đặn hàng tuần, giám đốc của các tập đoàn sản xuất ô tô lại bay đến thủ đô trên những chiếc máy bay riêng. Họ cần ngay lập tức hàng tỉ đô la để trả lãi cho những khoản vay ngân hàng sắp đến hạn thanh toán tiền lãi. Cả GM và Chrysler đều muốn vay tiền mặt. Ford muốn vay tín dụng, bởi họ muốn tiếp tục được vay nợ từ ngân hàng thay vì chính phủ, nhưng các ngân hàng đều tỏ ra lo ngại trước những rủi ro của tập đoàn này và từ chối cho họ vay thêm. Giải pháp cho vấn đề này vô cùng đơn giản: Ford chỉ việc yêu cầu chính phủ đóng vai trò người đồng ký tên và chấp thuận bảo lãnh cho khoản nợ của mình. Làm gì có ngân hàng nào lại không đồng ý cho vay một khi đã được chính phủ bảo đảm thanh toán? Nhưng cho dù hình thức cho vay là gì đi nữa, người nộp thuế vẫn là đối tượng cuối cùng phải chịu gánh nặng nợ nần. Tổng cộng số tiền các công ty sản xuất ô tô được vay là 17,4 tỷ đô la. Hai tháng sau đó, Ford bắt đầu sản xuất ô tô tại Trung Quốc dù họ đã có nhà máy tại Mexico, Đức, và Tây Ban Nha.<sup>27</sup> Không lâu sau đó GM cũng theo chân Ford và công bố rằng họ sẽ tăng số lượng xe hơi sản xuất ở nước ngoài.<sup>28</sup>

## Người nộp thuế đang chi tiền để việc làm của mình được chuyển ra nước ngoài

Không khó để bắt gặp tình trạng tiền cứu trợ do chính người nộp thuế đóng góp lại góp phần hủy hoại cơ hội việc làm của chính họ. Trong thời gian được nhận khoản cứu trợ lên tới hơn 150 tỷ đô la từ người lao động Mỹ, các ngân hàng Mỹ đã yêu cầu cấp thị thực đặc biệt cho 21.800 người nước ngoài thay thế người Mỹ đảm nhiệm những công việc cao cấp như luật sư doanh nghiệp, chuyên viên phân tích đầu tư, lập trình viên, và chuyên viên nhân lực.<sup>29</sup> Nguyên nhân lao động người Mỹ không được tuyển dụng một phần là do các doanh nghiệp coi việc tối đa hóa lợi nhuận là mục tiêu tối thượng, phần khác là do người có thẩm quyền tuyển dụng tự coi mình là người theo chủ nghĩa quốc tế, và đối với họ nước Mỹ chẳng hề có chút ý nghĩa nào ngoài việc là một con bò sinh lợi cần tận dụng thường xuyên và triệt để hết sức có thể. Như chúng ta sẽ thấy trong các chương tiếp theo, trong số này có

---

<sup>27</sup> "Ford starts making Fiesta in China," *Raw Story* (Net), ngày 15 tháng 1, 2009.

<sup>28</sup> "Under Restructuring, GM To Build More Cars Overseas," tác giả Peter Whoniskey, *Washington Post* (Net), ngày 8 tháng 5, 2009.

<sup>29</sup> "AP Investigation: Banks sought foreign workers," tác giả F. Bass và R. Beamish, *Yahoo* (Net), ngày 1 tháng 2, 2009.

một vài người còn thông qua các tổ chức như Hội đồng Quan hệ Đối ngoại (CFR) để theo đuổi những chính sách nhằm hạ thấp tầm quan trọng của nền kinh tế Hoa Kỳ, tạo điều kiện dễ dàng cho việc đưa chính phủ Mỹ hòa nhập với chính phủ toàn cầu. Việc buộc người lao động Hoa Kỳ phải đóng thuế để xây dựng nền kinh tế của các nước khác chính là một bước đi quan trọng trong quá trình hiện thực hóa mục tiêu đó.

Đến cuối năm 2008, chỉ riêng những vụ giải cứu các tổ chức tài chính trong thời kỳ chính quyền Bush đã ngốn hết hơn 7 nghìn tỷ đô la, gấp mười lần con số ước tính ban đầu và gấp đôi chi phí của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai.<sup>30</sup> Mặc dù số tiền giải cứu này lớn gấp nhiều lần bất kỳ khoản giải cứu nào trong lịch sử, nó vẫn chỉ được coi như một giải pháp tạm thời và quyết định cuối cùng được trao cho chính quyền mới của Tổng thống Obama.<sup>31</sup> Dù nhiều cử tri trông đợi một sự thay đổi dưới thời Obama, mọi chuyện dường như đã an bài: 90% số tiền quyền góp cho lễ nhậm chức của Tổng thống Obama đến từ các tập đoàn phố Wall từng được cứu trợ bằng những khoản vay trị giá hàng tỷ đô la và đang trông đợi được nhận thêm nhiều gói giải cứu tương tự.<sup>32</sup> Quả nhiên họ đã không phải thất vọng.

### **Merrill Lynch: Món quà cho Bank of America**

Mùa thu năm 2008, công ty môi giới khổng lồ Merrill Lynch lâm vào cảnh thiếu vốn và đang trên bờ vực phá sản. Bank of America chấp thuận mua lại công ty yếu kém này với giá 50 triệu đô la. Đề xuất của Bank of America gây ngạc nhiên bởi chính bản thân ngân hàng này cũng đang gặp khó khăn và vừa phải nhận gói giải cứu trị giá 25 tỷ đô la. Khi khoản lỗ lớn đến mức choáng váng trong quý bốn của Merrill Lynch được công bố, ngân hàng quyết định rút khỏi thương vụ nhưng không còn kịp nữa. Theo lời khai của Ken Lewis, giám đốc điều hành của Bank of America, Bộ trưởng Bộ Tài chính Hank Paulson đã dọa sẽ thay thế toàn bộ ban giám đốc và hội đồng quản trị của ngân hàng nếu họ không chấp nhận mua lại Merrill như đã thỏa thuận. Đứng sau lời đe dọa này là Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Ben Bernanke.<sup>33</sup> Khi Lewis hỏi liệu chính phủ có đồng ý bù lỗ cho ngân hàng trong thương vụ này

---

<sup>30</sup> "Financial Crisis Tab Already in Millions and Counting," *CNBC*, ngày 28 tháng 11, 2008.

<sup>31</sup> "U.S. Throws Lifeline to Detroit," tác giả J. McKinnon và J. Stoll, *Wall Street Journal (Net)*, ngày 20 tháng 12, 2008.

<sup>32</sup> "Wall Street Is Big Donor to Inauguration," tác giả C. Cooper, *Wall Street Journal (Net)*, ngày 9 tháng 1, 2009.

<sup>33</sup> Thư của Andrew Cuomo, Bộ trưởng Tư pháp Hoa Kỳ, bang New York, gửi Christopher J. Dodd, Chủ tịch Ủy ban Thượng viện Hoa Kỳ về Ngân hàng, Nhà ở và Đô thị, ngày 23 tháng 4, 2009, (bản lưu tại [www.realityzone.com/footnotes.html](http://www.realityzone.com/footnotes.html)).

hay không, Paulson khẳng định câu trả lời là có nhưng không muốn ghi lại điều này, vì theo ông ta thì một cam kết bằng văn bản "sẽ là một sự kiện có thể bị công bố, và chúng ta không muốn có một sự kiện nào như vậy cả".<sup>34</sup>

Ngày 30 tháng 12, ban giám đốc của ngân hàng chấp thuận việc sáp nhập. Hai tuần sau đó, Bộ Tài chính đã rót vào Bank of America thêm 20 tỷ đô la, đồng thời cam kết một khoản bảo lãnh trị giá 118 tỷ đô la để trang trải cho các khoản thua lỗ của Merrill. Toàn bộ số tiền này một lần nữa lại được chất lên vai người dân Mỹ.

### **Biểu tượng của xung đột lợi ích**

Henry Paulson (Hội đồng Quan hệ Đối ngoại - CFR) là điển hình của sự kết hợp giữa khối ngân hàng và chính phủ. Là cựu Giám đốc điều hành của Goldman Sachs, ông ta đóng vai trò quan trọng trong việc tận dụng quyền hạn của cơ quan mình nhằm hạ gục được ba đối thủ cũ. Không chỉ dàn xếp thương vụ bán Bear Sterns cho JP Morgan Chase, cho phép Lehman Brothers phá sản, và buộc Bank of America phải mua lại Merrill Lynch, ông ta còn cho Goldman Sachs hưởng một gói giải cứu rất hào phóng. Như vậy chỉ còn Goldman và Morgan là hai ngân hàng đầu tư lớn trên thị trường tài chính. Judicial Watch, một cơ quan giám sát công dân, đã thu thập được những tài liệu cho thấy Paulson đã buộc các quan chức ngân hàng phải chấp nhận gói cứu trợ cho dù ngân hàng của họ vẫn trong tình trạng bình thường và không cần được giải cứu. Lý do là để tránh việc công chúng có thể phát hiện ra những ngân hàng yếu kém thực sự khi so sánh chúng với các ngân hàng được điều hành tốt.<sup>35</sup>

Đến tháng 3 năm 2009, Fannie May yêu cầu thêm một gói giải cứu trị giá 15 tỷ đô la. Chính phủ chẳng những đáp ứng đòi hỏi này mà còn chấp thuận khoản tiền thưởng trên lợi nhuận giữ lại trị giá hơn một triệu đô la cho mỗi giám đốc cấp cao của Fannie May.<sup>36</sup>

Trong những ngày cuối cùng trước khi bị Bank of America mua lại (bằng nguồn vốn của chính phủ), Merrill Lynch đã chi ra 3,6 triệu đô la tiền thưởng với sự chấp thuận của Bank of America.<sup>37</sup> Mặt khác, Bank of America cũng thông báo họ

---

<sup>34</sup> "Threats and Secret Promises: Bank of America's Merger with Merrill Lynch," tác giả Mack Sperling, *Business Litigation Report* (Net), ngày 24 tháng 4, 2009.

<sup>35</sup> Henry Paulson, *Wikipedia* (Net).

<sup>36</sup> "Fannie Plans Retention Bonuses As Outlined by the Government." Tác giả Zachary Goldfarb, *Washington Post* (Net), ngày 19 tháng 3, 2009.

<sup>37</sup> "Top Four Merrill Lynch Bonus Recipients Got \$121 Million," tác giả Karen Freifeld, *Bloomberg* (Net), ngày 11 tháng 2, 2009.

đang cân nhắc tăng lương cho các giám đốc đầu tư thêm 70% thay vì chi tiền thưởng để tránh gây xôn xao dư luận.<sup>38</sup>

## **Đánh lạc hướng công chúng bằng vấn đề tiền thưởng**

Tin tức về những vụ giải cứu và cướp bóc ngân quỹ nhà nước dày đặc trên khắp các mặt báo, làm dấy lên làn sóng trên toàn nước Mỹ phản đối những giám đốc doanh nghiệp có "lòng tham không đáy". Rất nhiều chính trị gia đã hùng hồn diễn thuyết về việc cần phải có những bộ luật và quy định mới nhằm chế ngự "con quỷ tiền thưởng" này. Đây thực sự là một môi nhử hoàn hảo giúp hướng sự chú ý của công chúng ra khỏi vấn đề nghiêm trọng hơn. Hẳn nhiên việc những kẻ đẩy công ty vào cảnh phá sản lại được thưởng hàng triệu đô la là rất đáng chú ý, tuy nhiên vấn đề này vẫn là cực kỳ nhỏ trước thực tế rằng những công ty này chi tiền thưởng sau khi được chính phủ giải cứu, rằng quy trình giải cứu là vi hiến, và rằng số tiền khổng lồ được huy động trong những vụ giải cứu đang làm cho nước Mỹ suy yếu dần. Giới truyền thông đã dàn xếp cuộc tranh luận sao cho những vấn đề thực sự quan trọng không hề được đề cập đến. Công chúng chỉ còn biết băn khoăn về vấn đề kích thích của gói giải cứu, nên giải cứu đối tượng nào trước và làm cách nào để hạn chế những khoản tiền thưởng. Ý kiến "để mặc cho những ngân hàng yếu kém phá sản nhằm giúp nền kinh tế hồi phục trong một môi trường không còn gian lận" không được phép xuất hiện trong dòng tranh luận chính.

## **Thông tin bịp về thanh toán nợ**

Tháng 12 năm 2009, Bank of America công bố họ đã thanh toán xong khoản nợ trị giá 45 tỷ đô la cho Bộ Tài chính. Các quan chức chính phủ được dịp khoe khoang rằng hành động cứu trợ của họ là hoàn toàn đúng đắn và thậm chí người nộp thuế còn có lãi. Giới truyền thông cho rằng kết quả như vậy thật mỹ mãn và không may nghi ngờ gì thông báo này. Người ta nói rằng số tiền dùng để trả nợ là từ dự trữ tiền mặt và tiền bán cổ phiếu mới; nhưng chắc chắn vấn đề ở đây không chỉ đơn giản như vậy.

Trước hết, ngân hàng này khó có thể trả nợ bằng nguồn tiền mặt dự trữ, vì họ vẫn đang ở trong tình trạng thiếu hụt tiền mặt và thua lỗ. Các khoản cho vay của họ liên tục gặp vấn đề, với số vụ vỡ nợ đã tăng hơn gấp 3 lần từ quý một đến

---

<sup>38</sup> "Bank of America May Increase Salaries for Investment Bankers," tác giả J. Simmons và J. Fineman, *Bloomberg (Net)*, ngày 28 tháng 3, 2009.

quý ba. Nợ xấu của ngân hàng lên tới 15%.<sup>39</sup> Cách duy nhất giúp ngân hàng có được nguồn tiền mặt dự trữ đủ lớn để trả nợ là tiếp nhận khoản cứu trợ bí mật từ Bộ Tài chính - đây cũng chính là một sự kiện "không thể được công bố" theo cách nói của Paulson. Nói cách khác, chính phủ đang bỏ tiền ra để trả nợ cho chính mình, và như vậy thông tin Bank of America đã trả hết nợ thực ra chỉ là một mẹo kế toán hay một trò quảng cáo không hơn không kém, hòng đánh lừa công chúng rằng những vụ giải cứu thực chất là biểu hiện cho tài năng điều hành đất nước của các chính trị gia.

Cũng không thể nói rằng tiền trả nợ đến từ nguồn vốn do bán cổ phiếu của ngân hàng, vì trong thời gian đó công chúng chẳng những không mua vào mà còn bán đổ bán tháo cổ phiếu của Bank of America. Vậy thì người mua ở đâu ra? Hay người mua, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, chính là bản thân Bộ Tài chính? Hay đó là một số ít những nhà đầu tư tổ chức được tin tưởng và được Bộ Tài chính đảm bảo bù lỗ trong một sự kiện "không thể được công bố"? Chúng ta biết rằng vào tháng 3 năm 2010, bộ Tài chính đã tiến hành bán đấu giá những chứng quyền (warrants) họ đang giữ với vai trò là vật bảo đảm cho khoản nợ của các ngân hàng. Liệu có phải số tiền để trả nợ là từ việc bán những "cổ phiếu" này hay không? Chứng quyền không phải là cổ phiếu. Chúng là những hợp đồng cho phép người mua có quyền mua cổ phiếu trong tương lai tại một mức giá đã được định sẵn. Chứng quyền là một công cụ phái sinh, và người mua chứng quyền thường nhắm đến mục tiêu đầu cơ chứ không phải là đầu tư. Liệu có phải bất kỳ ai mua những chứng quyền này đều được chính phủ và Cục Dự trữ Liên bang bí mật cam kết giải cứu trong trường hợp cạnh bạc họ tham gia bị tan vỡ? Những câu hỏi này không hề phi lý một chút nào nếu chúng ta xem xét cách xử lý gần đây của Bộ Tài chính và Fed đối với những vấn đề tương tự, nhưng chúng không bao giờ được các phương tiện truyền thông chính thống đề cập đến.

Theo báo cáo của Cục Dự trữ Liên bang chi nhánh New York, những tài sản mà chính phủ mua lại trong vụ giải cứu AIG đang "có lãi trên giấy tờ". Điều đó có nghĩa là nếu được bán trên thị trường tự do, những tài sản này sẽ có giá cao hơn so với giá chúng được mua vào ban đầu.<sup>40</sup> Nếu đó đúng là sự thật, chúng ta có quyền thắc mắc tại sao họ lại không bán những tài sản đó đi. Câu trả lời hợp lý là bởi những "nhà kinh tế" của Cục Dự trữ Liên bang chẳng khác nào một người mua một chiếc xe hơi xập xệ với giá 900 đô la, sau đó tuyên bố "có lãi trên giấy tờ" do anh ta có thể bán nó đi với giá 1000 đô la, trong khi trên thực tế, may mắn thì anh

<sup>39</sup> "Bank of America TARP Repayment Premature, Analyst Says," *Huffington Post* (Net), ngày 4 tháng 12, 2009.

<sup>40</sup> "Federal Reserve NY reports paper profit," *BBC News* (Net), ngày 30 tháng 7, 2010.

ta cũng chỉ có thể bán được chiếc xe với giá 100 đô la mà thôi. Chừng nào những tài sản này chưa thực sự được bán ra, bất kỳ tuyên bố nào về lợi nhuận trên giấy đều phải được xem xét kỹ lưỡng.

Tin về việc Bank of America đã trả hết nợ có tác dụng xoa dịu sự phẫn nộ của công chúng, và do đó không lâu sau những đối tượng từng được giải cứu cũng đua nhau thông báo họ đang tiếp tục trả nợ, mặc dù bản thân họ cũng đang bị thua lỗ. Citibank và General Motors nói rằng họ sẽ trả nợ bằng cách phát hành cổ phiếu mới. Tháng 4 năm 2010, General Motors tuyên bố họ đã thực sự trả hết nợ. Nhưng chờ chút! Sau khi điều tra tuyên bố này, chúng ta phát hiện ra rằng họ đã thanh toán gói giải cứu thứ nhất bằng nguồn vốn lấy từ gói giải cứu thứ hai. Không một đồng tiền trả nợ nào là từ doanh thu bán xe hơi hay thậm chí là bán cổ phiếu. Như vậy có thể thấy mọi chuyện chỉ là một trò lừa bịp nhằm đánh lừa công chúng.<sup>41</sup>

## Quốc hữu hóa trở thành sự thật

Khi chính phủ cấp vốn cho bất kỳ đối tượng nào, họ đều kiểm soát đối tượng đó; và việc kiểm soát cũng đồng nghĩa với việc chính phủ đang sở hữu đối tượng đó. Điều này đã được chứng minh rất rõ vào ngày 1 tháng 4 năm 2009, khi Bộ trưởng Bộ Tài chính Timothy Geithner (Hội đồng Quan hệ Đối ngoại - CFR), thông báo rằng ông ta sẵn sàng sa thải giám đốc điều hành của bất kỳ ngân hàng nào từng nhận được gói giải cứu nếu người đó không điều hành ngân hàng một cách đúng đắn.<sup>42</sup> Thực ra Geithner không định đuổi việc ai cả. Thông báo của ông ta chủ yếu nhằm mục đích thuyết phục công chúng rằng chính phủ hoàn toàn có trách nhiệm và nghiêm túc trong việc cho vay một khoản tiền lớn đến vậy, tuy nhiên tầm quan trọng của tuyên bố này nằm ở chỗ Bộ trưởng Bộ Tài chính giờ đây có quyền sa thải giám đốc điều hành của các ngân hàng mà không cần thông qua ban giám đốc ngân hàng đó. Đây chính là đặc quyền tối thượng của quyền sở hữu. Thực tế đang xảy ra là ngành tài chính và những bộ phận chính của ngành bảo hiểm và sản xuất xe hơi hiện đã bị quốc hữu hóa, hay nói thẳng ra là đã thuộc quyền sở hữu của chính phủ.

Tháng 5 năm 2009, chính phủ cấp cho GMAC (đơn vị quản lý tài chính của GM) thêm 7,5 tỷ đô la, sau đó thêm 3,8 tỷ đô la vào tháng 12, và 3,8 tỷ đô la nữa vào tháng 1 năm 2010, tổng cộng là 16,3 tỷ đô la. Như vậy chính phủ đã nắm

<sup>41</sup> "Grassley Slams GM, Administration Over Loans Repaid with Bailout Money," *Fox News* (Net), ngày 22 tháng 4, 2010.

<sup>42</sup> "Ousting bailed-out U.S. bank CEOs: Geithner," *Reuters* (Net), ngày 1 tháng 4, 2009.



quyền sở hữu kiểm soát đơn vị này với 56% tổng số vốn.<sup>43</sup> Đầu năm 2010, chính phủ đã đổ vào General Motors tổng cộng 57,6 tỷ đô la, đồng thời nắm luôn quyền kiểm soát tại đây. Giờ thì chính phủ tha hồ điều hành công ty theo bất kỳ cách thức nào mà họ muốn.

Tháng 2 năm 2009, chính phủ đã sở hữu 80% số vốn của AIG (công ty này một lần nữa lại cạn kiệt nguồn vốn).<sup>44</sup> Trong cùng tháng, cựu Chủ tịch Cục dự trữ Liên bang Alan Greenspan công khai kêu gọi quốc hữu hóa tất cả các ngân hàng bị phá sản (điều này đồng nghĩa với việc quốc hữu hóa đa số các ngân hàng).<sup>45</sup>

Không khó để nhận ra mô hình kinh doanh mới của Hoa Kỳ. Đặc điểm chính của mô hình này là sự sáp nhập của chính phủ, bất động sản, và thương mại thành một cấu trúc duy nhất được điều hành một cách sát sao từ trên xuống. Đây cũng chính là mô hình được sử dụng bởi chính quyền Liên Xô, phát xít Đức, Ý và cộng sản Trung Quốc.

## **Hệ thống đã đạt tới quy mô toàn cầu**

Một trong những phần đáng chú ý nhất của vở kịch này diễn ra trong một phòng điều trần liên bang vào ngày 3 tháng 3 năm 2009, khi Chủ tịch Fed Bernanke làm chứng trước Ủy ban Ngân sách Thượng viện. Khi được Thượng nghị sĩ Bernie Sanders yêu cầu cung cấp danh tính của những tổ chức tài chính đã nhận gói giải cứu, Bernanke ngừng lại một chút và sau đó nói "Không!" một cách thẳng thừng. Lý do được viện đến để giải thích cho sự từ chối đáng kinh ngạc này là việc công bố tên sẽ khiến cho công chúng mất niềm tin vào những ngân hàng này và đua nhau rút tiền, khiến cho vấn đề càng trở nên trầm trọng. Dù vậy, có thể thấy đằng sau sự bí mật này còn ẩn chứa một động cơ khác kém cao thượng hơn. Có tin đồn rằng hàng tỷ đô la đã bị tuồn sang các ngân hàng nước ngoài, và chắc chắn nhân dân Mỹ sẽ không thể yên lặng khi những thông tin như vậy được công bố.

Vấn đề là liệu những tin đồn này có chính xác hay không? Những diễn biến xảy ra sau đó cho thấy chúng là sự thật. Hai tháng sau, IMF thông báo họ đang tiến hành giải cứu cho các ngân hàng tại Hy Lạp với số tiền lên tới 145 tỷ đô la,

---

<sup>43</sup> "US bails out General Motors-related company GMAC with further \$3.8bn," tác giả David Teather, *Guardian* (Net), ngày 1 tháng 1, 2010.

<sup>44</sup> "AIG Seeks More US Funds As Firm Faces Record Loss," tác giả David Farber, *CNBC* (Net), ngày 23 tháng 2, 2009.

<sup>45</sup> "Greenspan backs bank nationalization," bảo K. Guha và E. Luce, *Financial Times* (Net), ngày 18 tháng 2, 2009.

trong đó khoản tiền do Hoa Kỳ đóng góp chiếm 20%. Như vậy nhân dân Mỹ đã hỗ trợ 8 tỷ đô la cho các ngân hàng của Hy Lạp.<sup>46</sup>

Tuần kế tiếp, Cục Dự trữ Liên bang thông báo họ sẽ giải cứu các ngân hàng châu Âu mà không cần được Quốc hội thông qua. Việc bỏ qua sự chấp thuận của Quốc hội không phải là vấn đề lớn vì thường thì sự chấp thuận này cũng không thực sự quan trọng. Vấn đề thực sự nằm ở việc, giờ đây Fed đã thừa nhận vai trò của mình như một máy in tiền của thế giới. Chương trình mới này bao gồm ngân hàng trung ương của các nước Canada, Anh, Liên minh châu Âu, Thụy Điển và Nhật Bản. Số tiền dành cho những vụ giải cứu trong tương lai tại các quốc gia khác sẽ được tạo ra bởi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ trong khi đối tượng chịu thua thiệt lại chính là người dân Mỹ (và họ không hề được biết hay đồng tình với kế hoạch này). Khoản tiền này sẽ được chuyển đến ngân hàng trung ương của các quốc gia kể trên để từ đó phân phối tới các ngân hàng thương mại của nước đó.<sup>47</sup> Đây thực sự là một tin tức quan trọng, nhưng truyền thông chính thống chỉ tường thuật thông tin này như một bản thông cáo báo chí khô khan và không đề cập gì đến tác động bần cùng hóa của chương trình này đối với người dân Mỹ.

### **Câu chuyện còn tiếp diễn**

Tháng 8 năm 2010, Freddie Mac một lần nữa lại phải yêu cầu gói giải cứu mới trị giá 1,8 tỷ đô la, nâng tổng số tiền cứu trợ tổ chức này được nhận lên hơn 64 tỷ đô la. Ngày 12 tháng 6 năm 2010, Tổng thống Obama yêu cầu Quốc hội phê chuẩn khoản tiền 50 tỷ đô la nhằm giải cứu cho các thành phố và bang của nước Mỹ.<sup>48</sup> Chính quyền nhiều tiểu bang và địa phương đã cạn kiệt tiền và phải yêu cầu chính phủ thanh toán những khoản nợ của mình, đặc biệt là tiền phúc lợi. Theo họ, nếu những tờ séc trả tiền phúc lợi không xuất hiện trong hòm thư của người nhận, sẽ có bạo động xảy ra trên đường phố. Đương nhiên không ai mong muốn bạo động, và cần phải có những khoản giải cứu từ quỹ liên bang để đảm bảo chắc chắn điều đó không xảy ra.

Phần tiếp theo của trò chơi đòi hỏi phải tạo được ảo tưởng về việc những khoản tiền giải cứu được thanh toán nhờ vào những khoản lợi nhuận không có thật bằng cách sử dụng chính những mảnh khóc kế toán đã đưa Jeffrey Skilling, Chủ

---

<sup>46</sup> "Guess Who's Paying for the Greece Bailout? That's Right - YOU," tác giả Henry Blodget, *Business Insider* (Net), ngày 3 tháng 5, 2010.

<sup>47</sup> "Federal Reserve Opens Credit Line to Europe," *Fox News* (Net), ngày 10 tháng 5, 2010.

<sup>48</sup> "Obama pleads for \$50 billion in state, local aid," tác giả Lori Montgomery, *Washington Post* (Net), ngày 13 tháng 6, 2010.

tịch Tập đoàn Enron, vào tù. James Quinn, Giám đốc Cấp cao về Hoạch định Chiến lược của Quinn Advisors, đã mô tả quá trình này như sau:

Hẳn bạn sẽ rất phấn khởi khi biết rằng lợi nhuận của ngành tài chính đã lên cao tới mức đáng kinh ngạc. Cục Dự trữ Liên bang chỉ cần xóa 1,3 nghìn tỷ đô la nợ xấu khỏi sổ sách của các ngân hàng, định giá những khoản cho vay còn lại của họ cao lên 40%, vay tiền từ Fed với lãi suất bằng không, tận dụng chính sách tiền tệ nới lỏng của Bernanke (Bernanke Put) để có thể thoải mái giao dịch mà không lo thua lỗ, và cuối cùng là vờ như các khoản lỗ trong tương lai của họ sẽ thấp hơn và giúp giảm bớt các khoản dự phòng bù lỗ. Ngành ngân hàng không còn phải thực hiện bất kỳ nghiệp vụ nào trong số những nghiệp vụ truyền thống tẻ nhạt như cho các doanh nghiệp nhỏ vay nữa. Thay vào đó, việc mở rộng quy mô và gian lận sổ sách mang lại cho họ lợi nhuận lớn hơn nhiều.<sup>49</sup>

Chi phí cấp vốn cho chính quyền các tiểu bang và địa phương bên cạnh chính quyền liên bang cho tới các ngân hàng và các công ty bảo hiểm cũng như các hãng sản xuất ô tô cùng các ngân hàng ở châu Âu và vô số những cuộc chiến tranh cùng một đội quân thường trực trên quy mô toàn cầu sẽ làm tiêu tan toàn bộ tài sản còn lại của tầng lớp trung lưu Hoa Kỳ. Không ai dám chắc tình trạng này còn tiếp diễn trong bao lâu nữa, nhưng có một điều chúng ta có thể chắc chắn, đó là dù sớm hay muộn thì nó cũng phải chấm dứt. Chương 25 và 26 sẽ thảo luận về xu hướng của tình trạng này và cách nó kết thúc.

## **Lý do thứ hai để từ bỏ Cục Dự trữ Liên bang**

Nhìn nhận lại một cách nghiêm túc những hoạt động của Cục Dự trữ Liên bang sẽ đưa chúng ta đến với lý do thứ hai vì sao nên từ bỏ hệ thống này:

Chẳng những không phải là một tổ chức bảo vệ công chúng, *đây còn là một liên minh hoạt động ngược lại với lợi ích của công chúng.*

## **Tổng kết**

Trò chơi mang tên giải cứu không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng mà hoàn toàn có thật. Sau đây là một số trò chơi với quy mô lớn đã diễn ra trong quá khứ và kết quả cuối cùng của chúng.

Năm 1970, hãng đường sắt Penn Central bị phá sản. Những ngân hàng chủ nợ của hãng đã tiếp quản những vị trí trong ban giám đốc và đẩy Penn Central lún

<sup>49</sup> "Extend and Pretend is Wall Street's Friend," tác giả James Quinn, *Financial Sense*, <http://www.financialsense.com>, 31 tháng 3, 2011.

sâu hơn nữa vào vòng xoáy nợ nần, đồng thời tiếp tục cho hãng này vay những khoản vay lớn hơn để bù lỗ. Các giám đốc của Penn Central chẳng những không cho cổ đông biết sự thật mà còn cho hãng này vay thêm để trả cổ tức và tiếp tục giữ được vẻ ngoài ổn định giả tạo. Các giám đốc và ngân hàng của họ tổng khứ được số cổ phiếu của mình tại Penn Central với giá cao phi thực tế. Khi sự thật được công khai, các cổ đông của hãng hoàn toàn trắng tay. Khi Quốc hội được tin vụ phá sản của Penn Central sẽ có tác động khủng khiếp đến lợi ích của công chúng, họ đã phản ứng bằng cách cung cấp 125 triệu đô la dưới hình thức cho vay đảm bảo nhằm tránh rủi ro cho các ngân hàng. Penn Central được quốc hữu hóa trở thành AMTRAK và tiếp tục hoạt động trong cảnh thua lỗ.

Khi Lockheed phải đối mặt với nguy cơ phá sản vào năm 1970, một lần nữa Quốc hội lại được cảnh báo những nguy cơ tương tự. Hàng nghìn người sẽ bị mất việc, những nhà thầu phụ sẽ phải đóng cửa, và tổn hại cho công chúng sẽ là vô cùng to lớn. Do đó Quốc hội đã bảo đảm cho một khoản vay mới trị giá 250 triệu đô la, làm tăng số nợ của Lockheed lên thêm 60% so với trước. Do đã đứng ra giải cứu cho khoản nợ của Lockheed, chính phủ cần đảm bảo rằng tập đoàn này hoạt động có lãi, và họ đảm bảo điều đó bằng cách cho tập đoàn hưởng những hợp đồng quốc phòng béo bở mà không phải cạnh tranh đấu thầu. Các ngân hàng cũng nhận được khoản thanh toán cho số nợ của Lockheed.

Năm 1975, Thành phố New York City đã đạt đến hạn mức tín dụng tối đa. Thành phố đã vay rất nhiều tiền để duy trì một bộ máy quan liêu thừa thãi và một hệ thống phúc lợi xã hội thu nhỏ. Khi Quốc hội được tin công chúng sẽ bị tổn thất nặng nề nếu các dịch vụ của thành phố bị cắt giảm và nước Mỹ sẽ bị mất mặt trước toàn thế giới, họ liền phê chuẩn cho New York vay thêm 2,3 tỷ đô la nữa, gấp hơn hai lần số nợ lúc đó của thành phố. Các ngân hàng vẫn tiếp tục được nhận những khoản thanh toán lãi suất.

Năm 1978, Chrysler mấp mé bên bờ vực phá sản. Một lần nữa Quốc hội lại được thông báo rằng công chúng sẽ chịu thiệt hại rất lớn nếu như công ty đóng cửa, và rằng vụ phá sản của Chrysler chẳng khác nào cú đâm giáng xuống nước Mỹ một khi quyền tự do lựa chọn của công dân bị giảm xuống chỉ còn 2 nhà sản xuất ô tô thay vì 3 như trước. Vì vậy Quốc hội tiếp tục giải cứu một khoản nợ trị giá lên đến 1,5 tỷ đô la. Số nợ xấu trước kia của các ngân hàng được chuyển thành một tài sản có lãi suất và được bảo đảm thanh toán bởi người nộp thuế.

Năm 1972, Commonwealth Bank of Detroit, với khối tài sản trị giá 1,5 tỷ đô la, lâm vào cảnh vỡ nợ. Ngân hàng này đã vay nhiều tiền từ Chase Manhattan để đầu tư vào những phi vụ làm ăn rủi ro cao nhưng có tiềm năng lợi nhuận lớn. Do

đó, khi ngân hàng này vướng phải rắc rối thì Chase cũng gặp vấn đề. Các viên chức ngân hàng đã tới Washington và báo cáo với FDIC rằng công chúng cần phải được bảo vệ khỏi những khó khăn về tài chính có thể sẽ xảy ra nếu Commonwealth Bank phá sản. Do đó, FDIC chấp thuận cung cấp khoản vay trị giá 60 triệu đô la cùng với bảo đảm thanh toán của chính phủ liên bang. Chase cũng bị lỗ một chút nhưng bù lại họ đã chuyển được hầu hết các khoản nợ thành những tài sản do người nộp thuế bảo đảm.

Năm 1979, ngân hàng First Pennsylvania của Philadelphia bị vỡ nợ. Với khối tài sản hơn 9 tỷ đô la, ngân hàng này có quy mô lớn gấp 6 lần Commonwealth Bank of Detroit. Đây cũng là một ngân hàng hoạt động năng nổ trong những năm 1970. Giờ đây các quan chức ngân hàng và Cục Dự trữ Liên bang đều ra sức thuyết phục FDIC rằng công chúng cần phải được bảo vệ khỏi thảm họa phá sản của một ngân hàng với quy mô lớn như vậy, và rằng điều này là vì lợi ích của nền kinh tế Mỹ và của cả thế giới. Do đó FDIC đã cung cấp cho ngân hàng này một khoản vay trị giá 325 triệu đô la – không tính lãi suất trong năm đầu tiên, và một nửa lãi suất thị trường trong những năm tiếp theo. Fed cũng cấp tiền cho các ngân hàng khác với mức lãi suất có trợ cấp để họ có thể dùng số tiền đó cho First Penn vay. Với động lực như vậy, các ngân hàng đã cho First Penn vay ngay lập tức 175 triệu đô la kèm một hạn mức tín dụng trị giá 1 tỷ đô la.

Năm 1982, đến lượt ngân hàng Continental Illinois của Chicago bị phá sản. Đây là ngân hàng lớn thứ bảy Hoa Kỳ với khối tài sản trị giá 42 tỷ đô la. Năm trước đó, lợi nhuận của ngân hàng đã tăng vọt nhờ khoản vay của các doanh nghiệp đầu tư mạo hiểm có rủi ro cao và các chính phủ nước ngoài. Mặc dù được các chuyên gia phân tích thị trường ưu ái, ngân hàng vẫn không tránh khỏi cảnh bị đất khi dòng tiền của họ bị âm. Chủ tịch Fed Volcker đã cảnh báo FDIC về viễn cảnh khủng khiếp sẽ xảy ra khi một ngân hàng tầm cỡ như Continental Illinois lâm vào cảnh phá sản và kéo theo nền kinh tế toàn cầu bị hủy hoại. Vì vậy, FDIC đã nhận giải cứu số nợ xấu trị giá 4,5 tỷ đô la và đóng góp 80% vốn chủ sở hữu của ngân hàng bằng hình thức mua cổ phiếu. Như vậy, vô hình trung ngân hàng đã được quốc hữu hóa, nhưng không ai công khai điều này.

Những vụ giải cứu tính đến thời điểm này vẫn chưa là gì so với hàng nghìn tỷ đô la được đổ vào các ngân hàng, công ty bảo hiểm, các nhà sản xuất xe hơi, và các ngân hàng nước ngoài từ năm 2008 trở đi. Mọi rắc rối bắt đầu từ sự đổ vỡ của thị trường cho vay dưới chuẩn, hậu quả của một chính sách có tính toán của các ngân hàng lớn nhất nước Mỹ nhằm lôi kéo những gia đình có thu nhập thấp chấp nhận những khoản vay thế chấp mà họ không có khả năng chi trả. Các ngân hàng

giả định rằng giá nhà sẽ tăng liên tục không ngừng, do đó người đi vay sẽ có thể trả nợ cũ bằng cách vay những khoản nợ mới lớn hơn dựa trên giá trị ngày càng tăng của bất động sản cầm cố. Những khoản vay thế chấp này được tập hợp lại, đặt cho những cái tên nghe thật kêu và bán lại cho các quỹ đầu tư và nhà đầu tư ngày thơ. Ngày khoản nợ đáo hạn cũng là lúc hàng triệu người đi vay thế chấp bị mất toàn bộ số tài sản ảo tưởng của họ (và cả ngôi nhà của họ nữa) trong khi hàng triệu nhà đầu tư trắng tay do người mua không trả được nợ.

Những ngân hàng phải chịu trách nhiệm trước cơn sốt bất động sản này cũng đang mấp mé bờ vực phá sản, nhưng họ tuyên bố với Quốc hội rằng họ quá lớn để sụp đổ, bởi lẽ nếu họ sụp đổ thì cả nước Mỹ cũng vậy. Quốc hội buộc phải chấp thuận gần như toàn bộ mọi yêu cầu của các ngân hàng này và cung cấp tiền thuế của dân chúng cho họ cho dù số tiền họ yêu cầu là bao nhiêu đi nữa. Việc cướp bóc hợp pháp này được phối hợp thực hiện bởi Henry Paulson và Timothy Geithner, hai Bộ trưởng Tài chính đồng thời có mối quan hệ thân hữu với giới ngân hàng, đã lợi dụng sự tin tưởng của công chúng để bảo vệ và làm giàu thêm cho cartel ngân hàng.

Toàn bộ số tiền là do Cục Dự trữ Liên bang cung cấp với tư cách “người cho vay cuối cùng”. Đó chính là một trong nhiệm vụ của Cục dự trữ Liên bang từ khi mới thành lập. Chúng ta cần nhớ rằng cụm từ “người cho vay cuối cùng” có nghĩa là tiền được tạo ra từ hư không - nguyên nhân gây ra lạm phát làm hao mòn tài sản của quốc gia.

---

---

## **GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET***

---

### **Mục đích**

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### **Lý do ra đời**

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

## Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)

---